

Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 11 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Bùi Văn Đàm**

Thư ký phiên họp: Bà **Anh Thị Thanh Tâm**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp: Bà **Phạm Đài Trang** - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* **Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Q, tỉnh Hà Giang**; Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. *Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà **Nhữ Thị Nga** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Q (theo văn bản ủy quyền xác lập ngày 06/6/2019). (Có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Vàng Chính U** - Sinh ngày 07/12/1998; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

+ Chị **Hầu Thị V** - Sinh ngày 20/7/1998; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Trung T** - Chức vụ: Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu đề ngày 06/6/2019, cùng các tài liệu kèm theo đơn và tại phiên họp, người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày: Ngày 29/5/2019, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Q nhận được Công văn

số 02/CV-TP, ngày 28/5/2019 của Phòng Tư pháp huyện Q về việc phối hợp thực hiện xử lý việc kết hôn trái pháp luật giữa anh V àng Ch ãnh U - Sinh ngày 07/12/1998; địa chỉ: Th ãn M, x ã T, huyện Q, tỉnh H à Giang và chị H àu Th ãi V - Sinh ngày 20/7/1998; Địa chỉ trước khi kết hôn: Th ãn P, x ã B, huyện Q, tỉnh H à Giang; Địa chỉ hiện nay: Th ãn M, x ã T, huyện Q, tỉnh H à Giang. Qua xác minh, đối chiếu giữa các giấy tờ tùy thân như: Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy khai sinh đều thể hiện anh V àng Ch ãnh U sinh ngày 07/12/1998. Tuy nhiên, ngày 12/4/2018, UBND x ã T, huyện Q, tỉnh H à Giang đã thực hiện đăng ký kết hôn cho anh V àng Ch ãnh U và chị H àu Th ãi V. Khi đăng ký kết hôn, anh U chưa đủ 20 tuổi, việc đăng ký kết hôn đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Q yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh V àng Ch ãnh U và chị H àu Th ãi V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh V àng Ch ãnh U có ý kiến: Thực tế anh sinh ngày 07/12/1998, ngày 12/4/2018, anh làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị H àu Th ãi V (sinh ngày 20/7/1998) tại UBND x ã T, huyện Q, tỉnh H à Giang. Khi đó, do bản thân chưa đủ 20 tuổi nên anh đã dựa vào thông tin trong Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ ông V àng T ãi Th (bố đẻ anh), thể hiện việc anh sinh ngày 07/12/1997 để ghi vào T ãi khai đăng ký kết hôn. Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã khi đó tin những thông tin anh ghi trong tờ khai mà không đối chiếu với những tài liệu khác nên đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh và chị V. Anh xác định việc kết hôn giữa anh và chị V khi anh chưa đủ 20 tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi. Nay Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Q yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị V là chính xác. Tuy nhiên, đến nay anh đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, giữa hai anh chị không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác anh đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị V kể từ ngày anh đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Chị H àu Th ãi V nhất trí với ý kiến của anh V àng Ch ãnh U, đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh U và chị kể từ ngày anh U đủ điều kiện kết hôn về độ tuổi.

Người làm chứng Nguyễn Trung T có ý kiến: Ông là người trực tiếp làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh V àng Ch ãnh U và chị H àu Th ãi V, trình lãnh đạo ký. Khi đến làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh U có xuất trình các giấy tờ như: 01 Sổ hộ khẩu số 220170312, ngày 23/3/2017, tên chủ hộ V àng T ãi Th (bố đẻ anh U); 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 53/UBND-XNTTHN, ngày 05/4/2018 do UBND x ã B, huyện Q cấp; 01 T ãi khai đăng ký kết hôn do anh U tự khai. Khi yêu cầu anh U xuất trình Chứng minh nhân dân thì anh U không xuất trình được nên anh đã cập nhật thông tin về Chứng minh nhân dân của anh U ghi trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 53/UBND-XNTTHN. Tất cả các giấy tờ trên đều thể hiện anh U sinh ngày 07/12/1997, do vậy UBND x ã T xác định khi đó anh U đủ tuổi đăng ký kết hôn. Khi anh U tách khẩu từ hộ gia đình ông V àng T ãi Th thì vẫn ghi ngày sinh là 07/12/1997. Sau này, anh U mới

xuất trình Giấy khai sinh thể hiện ngày sinh là 07/12/1998 và làm thủ tục cải chính ngày sinh trong Sổ hộ khẩu đúng ngày sinh trong Giấy khai sinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã tuân thủ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về giải quyết việc dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết việc dân sự: Yêu cầu của Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Q về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng Chín U và chị Hầu Thị V là có căn cứ do anh U vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi. Tuy nhiên, đến nay anh U đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, cả anh U và chị V không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác và đều có ý kiến đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh U đủ tuổi kết hôn. Do vậy, đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh U và chị V kể từ thời điểm anh U đủ tuổi kết hôn (tức ngày 07/12/2018). Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Q, tỉnh Hà Giang không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn yêu cầu của Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Q về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vàng Chín U và chị Hầu Thị V được Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung việc dân sự: Ngày 12/4/2018, anh Vàng Chín U đến UBND xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị Hầu Thị V. Khi đó, chỉ có chị V đủ tuổi còn bản thân chưa đủ tuổi kết hôn nên anh U đã dựa vào thông tin sai lệch trong Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ ông Vàng Tờ Th để ghi những thông tin không chính xác vào Tờ khai đăng ký kết hôn. Công chức Tư pháp xã khi đó đã dựa vào những thông tin sai lệch thể hiện trong Sổ hộ khẩu số 220170312, tên chủ hộ Vàng Tờ Th, do Công an xã T cấp ngày 23/3/2017; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 53/UBND-XNTTHN, do UBND xã B, huyện Q cấp ngày 05/4/2018; Tờ khai đăng ký kết hôn do anh U tự khai mà không kiểm tra, đối chiếu với những tài liệu khác để xác định ngày tháng năm sinh chính xác của anh U nên đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh U và chị V dẫn đến sai sót. Việc UBND xã T đăng ký kết hôn và cấp Giấy

chứng nhận kết hôn số 18/2018 ngày 12/4/2018 cho anh V àng Ch ình U và chị H àu Th ì V khi anh U chưa đủ 20 tuổi là vi phạm điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy Hội L ãn hiệ p Phụ nữ huyện Q căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn tr ả ph á p luật giữa anh và chị V là ch ình x á c. Tuy nhiên, đến nay anh U đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn; giữa anh U và chị V không vi phạm điều kiện kết hôn nào; cả hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân, do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh U và chị V kể từ thời điểm anh U đủ tuổi kết hôn (tức ngày 07/12/2018).

[3] Về lệ ph í Hội L ãn hiệ p Phụ nữ huyện Q, tỉnh H à Giang không phải chịu lệ ph í d ân sự sơ thẩm giải quyết việc d ân sự theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án ph í và lệ ph í Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 371 Điều 372 của Bộ luật tố tụng d ân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8; điểm d khoản 2 Điều 10; khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án ph í và lệ ph í Tòa án;

Căn cứ Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng d ân sự,

- Hủy việc kết hôn tr ả ph á p luật giữa anh V àng Ch ình U và chị H àu Th ì V (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2018, do UBND xã T, huyện Q, tỉnh H à Giang cấp ngày 12/4/2018). Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh V àng Ch ình U và chị H àu Th ì V kể từ ngày 07/12/2018.

- Về lệ ph í sơ thẩm giải quyết việc d ân sự: Hội L ãn hiệ p Phụ nữ huyện Q, tỉnh H à Giang không phải chịu lệ ph í d ân sự sơ thẩm giải quyết việc d ân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc d ân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc d ân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện

kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q, tỉnh Hà Giang;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Đàm